

MARKET INSIGHTS REPORTS

02.05.2024

**ĐỘ RỘNG CÁC MÃ PHÁ ĐỈNH GẦN NHẤT
HOẶC THIẾT LẬP CÁC MỐC CAO MỚI
TRONG 52 TUẦN GIA TĂNG**



NỘI DUNG CHÍNH

03 - 04 CHUYÊN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

05 TTCK VIỆT NAM – GÓC NHÌN GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG

06 PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

Tín hiệu trung hạn chưa rõ ràng nhưng giao dịch thị trường vẫn ở trong xu hướng tích cực

07 HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

07 CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

08 DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

08 TIN TỨC KINH TẾ VĨ MÔ

09 BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

Bức tranh ngành bảo hiểm Q1/2024

Tổng quan ngành phân bón Q1/2024

10 TTCK MỸ

Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng điểm vào tối nay.

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	537
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	268
Số cổ phiếu giảm giá	194
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	75

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	243
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	82
Số cổ phiếu giảm giá	87
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	74

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	329
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	144
Số cổ phiếu giảm giá	104
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	81

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	40,330.81	77,909.96	(37,579.14)
% KL toàn thị trường	7.07%	13.66%	
Giá trị	1,684,783	2,553,580	(868,797)
% GT toàn thị trường	11.70%	17.73%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	993.30	2,150.24	(1,156.94)
% KL toàn thị trường	7.07%	13.66%	
Giá trị	35,902	54,458	(18,556)
% GT toàn thị trường	3.50%	5.30%	

UPCOM

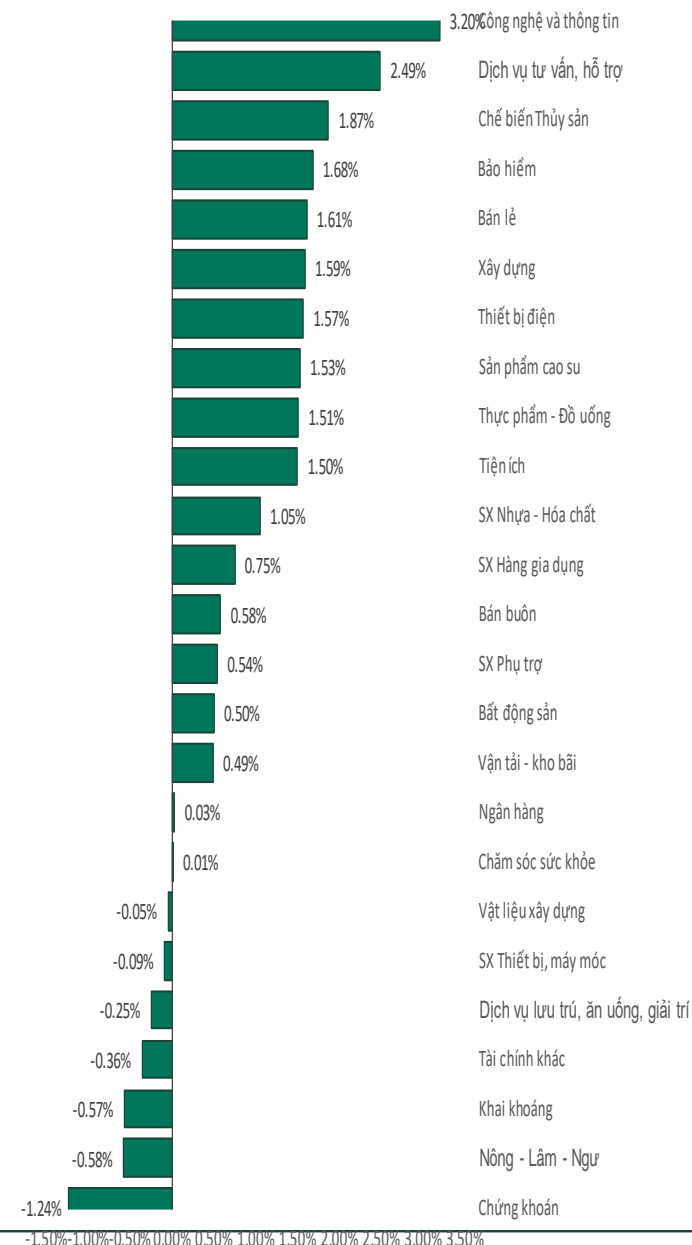
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	198.82	352.30	(153.48)
% KL toàn thị trường	0.74%	1.32%	
Giá trị	6,992	28,035	(21,042)
% GT toàn thị trường	1.17%	4.68%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

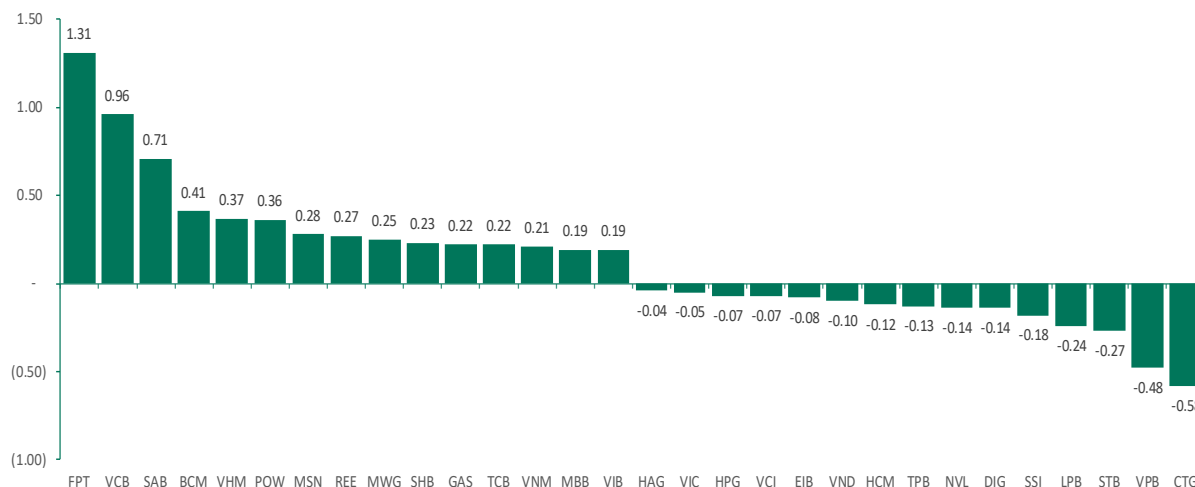
TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	932,400	91,900	700 (0.77%)	16.87	2.96	5,449	513,637
2	BID	568,700	49,200	0 (0%)	14.85	2.17	3,314	280,461
3	VHM	4,570,000	41,150	350 (0.86%)	5.37	0.91	7,664	179,182
4	CTG	6,361,000	32,350	-450 (-1.37%)	8.73	1.33	3,706	173,719
5	VIC	1,596,500	44,400	-50 (-0.11%)	78.58	1.08	565	169,771
6	GAS	692,000	73,900	400 (0.54%)	14.86	2.50	4,972	169,729
7	TCB	4,351,500	46,850	250 (0.54%)	9.18	1.20	5,104	165,030
8	HPG	7,322,100	28,350	-50 (-0.18%)	25.38	1.56	1,117	164,849
9	FPT	3,469,300	127,300	4,100 (3.33%)	27.31	5.10	4,661	161,667
10	VPB	6,332,900	18,300	-250 (-1.35%)	12.77	1.02	1,433	145,191

TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH



TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



Độ rộng các mã phá đỉnh gần nhất hay thiết lập mốc cao trong 52 tuần tiếp tục gia tăng

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 6.84 điểm (+ 0.57%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Công nghệ thông tin, dịch vụ tư vấn hỗ trợ, chế biến thủy sản, bảo hiểm, bán lẻ, xây dựng, thiết bị điện, sản phẩm cao su, thực phẩm đồ uống, tiện ích, sản xuất nhựa hóa chất ... là nhóm tăng giá nhiều nhất trên sàn trong ngày. Đã tăng được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như FPT, CTR, CMG, TV2, VHC, ANV, FMC, IDI, CMX, BVH, PVI, VNR, BIC, MIG, MWG, PNJ, FRT, REE, VCG, PC1, CTD, HHV, BCG, DPG, LCG, GEX, RAL, SAM, DRC, CSM, VNM, MSN, SAB, PPC, QTP, DGC, DCM, BMP ... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) GEX tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Long White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu đang trong sóng hồi phục 4 với kháng cự là 23 – Do vậy, GEX phải vượt kháng cự này mới xác nhận sóng tăng giá trung hạn quay trở lại;
- ✓ GEX ghi nhận doanh thu thuần và lợi nhuận trước thuế hợp nhất lần lượt đạt 6.660 tỷ đồng và 385 tỷ đồng, tăng 3,9% và 167,7% so với cùng kỳ;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 54%;

(ii) FPT tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Long White Canle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu trong sóng 5 tăng giá với mục tiêu từ 130 – 170;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 51%;

(iii) MWG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Small Black Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu trong sóng 5 tăng giá với mục tiêu từ 58 – 64;
- ✓ MWG báo cáo lãi ròng Q1/2024 là 900 tỷ - Con số cho thấy lợi nhuận đang hồi phục;
- ✓ Ngày mai là ngày tái cơ cấu của quỹ ETF Diamond bán ra hơn 44 triệu MWG;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 55%;

(iv) BIC tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu đã có 5 sóng tăng và 3 sóng giảm ABC. Hiện đang trong chu kỳ sóng mới;
- ✓ Dải băng mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 61%;

(v) VNM tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Hanging Man”;
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ VNM đã kết thúc 5 sóng giảm. Hiện đang đối mặt với kênh kháng cự giảm giá trung hạn thiết lập từ ngày 29/2/2024 – Một Break out sẽ xác nhận xu hướng tăng giá trung hạn quay trở lại đối với cổ phiếu này;
- ✓ VNM báo cáo tổng doanh thu và lợi nhuận sau thuế hợp nhất Q1/2024 lần lượt 14,125 tỷ đồng và 2,207 tỷ đồng, tăng tương ứng 1% và 16% so với cùng kỳ;
- ✓ Khối ngoại đang có xu hướng mua ròng trở lại cổ phiếu này;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 58%;

(vi) PPC tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá thiết lập mốc cao mới 52 tuần – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Lợi nhuận nhóm cổ phiếu nhiệt điện chạy than sẽ tiếp tục tăng trong Q2/2024 do sản lượng huy động sẽ tăng do giá bán than đang trong giai đoạn thấp;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 53%;

(2) Chứng khoán, nông lâm ngư, khai khoáng, tài chính khác, dịch vụ lưu trú ăn uống và giải trí, sản xuất thiết bị máy móc, vật liệu xây dựng... là nhóm ngành giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đã giảm được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như SSI, VND, VCI, HCM, VIX, BSI, CTS, HAG, HNG, PVS, PVD, PVC, KSB, OCH, NVT, OGC, CTB, NAG, HPG, VCS... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) SSI giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Bearish Engulfing”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu có thể giảm giá trở lại để kiểm tra hỗ trợ động MA(200) là vùng giá 33;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 51%;

(ii) HPG giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Opening Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Kháng cự sóng 4 tăng đối kháng là 29;
- ✓ Hỗ trợ cho sóng 5 giảm giá 25;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 54%;

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: Tín hiệu trung hạn chưa rõ ràng nhưng giao dịch thị trường vẫn ở trong xu hướng tích cực

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Three OutSide Up Pattern”. Khối lượng giao dịch giảm và nằm thấp hơn mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá tăng khối lượng giảm không phải là mô hình tăng giá cổ sự hỗ trợ bởi khối lượng – Tín hiệu tiêu cực.

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài bán ròng hơn 1,000 tỷ đồng. Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: MWG, BID, VNM, SAB, VHM, VCB, BIC, IDC, VGC, DCM ... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: BWE, FUCESSVFL, SSI, CTG, DIG, VRE, VPB, HCM, HDB, VCI... Áp lực bán ròng của khối ngoại vẫn mạnh nhưng chúng tôi chú ý tới một chi tiết đáng lưu ý là trong 10 phiên giao dịch gần nhất của VNM, khối ngoại đã mua ròng 5 phiên giao dịch. Đây là một sự dịch chuyển đáng chú ý bởi lũy kế từ đầu năm tới nay, VNM thuộc tốp bán ròng mạnh nhất trên sàn. Đây có thể là những tín hiệu ban đầu về một sự trở lại của khối ngoại trong giai đoạn tới.

(ii) Dựa trên góc nhìn chu kỳ, vì đây là chu kỳ sơ cấp đầu tiên, nên thị trường chỉ giảm dưới 10% trong 2-5 tuần. Tính từ đỉnh tới giờ, chúng ta đã điều chỉnh xấp xỉ 10%. Khu vực quanh 1,160 điểm có thể là khu vực đáy của thị trường.

(iii) Chúng tôi lưu ý đây là một quá trình chứ không phải một phiên giao dịch. Do đó, việc thị trường giảm về vùng giá mục tiêu rồi vật qua vật lại vẫn là điều chúng ta thường thấy.

(iv) Dư âm thận trọng sau lễ cùng với việc chứng khoán thế giới đang trong xu hướng đồ lừa có thể lý giải cho việc khối lượng giao dịch thu hẹp trong phiên hôm nay. Với thanh khoản thu hẹp trước mắt vùng giá 1,220 – 1,250 có lẽ vẫn là một kháng cự mạnh tiềm năng. Đề bứt phá chúng ta vẫn sự gia tăng của khối lượng khi quay trở lại kháng cự này.

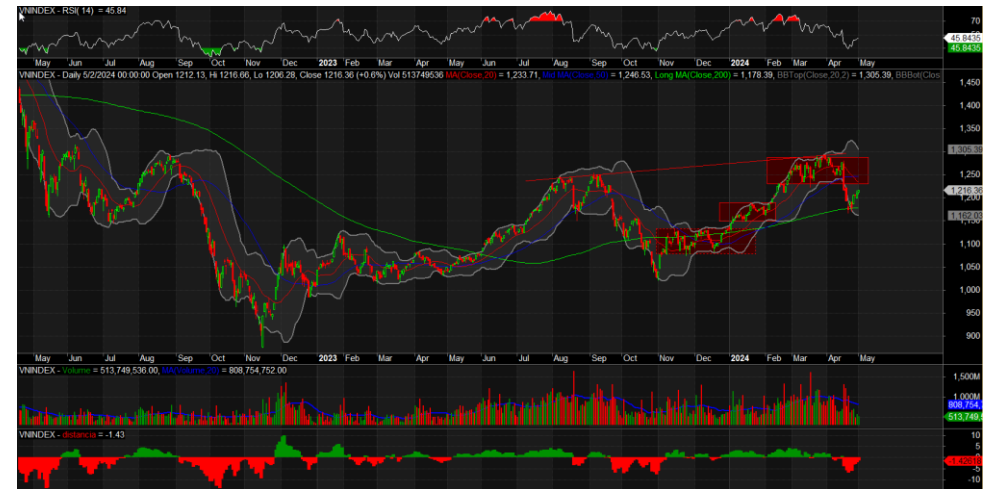
(v) Việc xung lực tăng của VN-Index càng lớn thì đáy trung hạn thiết lập quanh vùng 1,160 điểm càng cao và do vậy MA(200) sẽ được giữ vững là tín hiệu tích cực;

(vi) VN-Index hình thành Failure Swing – Tín hiệu tích cực hỗ trợ đà tăng của VN-Index;

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 07 mã cho tín hiệu mua, 02 mã cho tín hiệu bán, 21 mã cho tín hiệu đi ngang. VCB, TCB, SAB, MWG, HDB, FPT, SHB... cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 51% và 50% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch tăng điểm với giá đóng cửa không chắc sẽ thấp hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 6. Hỗ trợ là 1,160 điểm và kháng cự là 1,220 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ cổ phiếu VNM



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	486.43	485.54	487.33	NO	490.42	492.62	496.61	498.81	484.23	480.24	478.04	474.05
HNXINDEX	226.88	226.58	227.19	NO	228.1	228.7	229.92	230.52	226.28	225.06	224.46	223.24
UPIINDEX	89.32	89.13	89.51	NO	90.08	90.46	91.22	91.6	88.94	88.18	87.8	87.04
VN30	1244.88	1243.72	1246.04	YES	1250.74	1254.27	1260.13	1263.66	1241.35	1235.49	1231.96	1226.1
VNXALL	1985.46	1983.16	1987.75	NO	1995.24	2000.44	2010.22	2015.42	1980.26	1970.48	1965.28	1955.5
VNINDEX	1213.1	1211.47	1214.73	NO	1219.92	1223.48	1230.3	1233.86	1209.54	1202.72	1199.16	1192.34
VN30F1M	1237.23	1234.65	1239.82	NO	1247.67	1252.93	1263.37	1268.63	1231.97	1221.53	1216.27	1205.83
VN30F1Q	1243.5	1242	1245	NO	1251.1	1255.7	1263.3	1267.9	1238.9	1231.3	1226.7	1219.1
VN30F2M	1239.33	1237.55	1241.12	NO	1246.67	1250.43	1257.77	1261.53	1235.57	1228.23	1224.47	1217.13
VN30F2Q	1246.9	1245.5	1248.3	NO	1252.8	1255.9	1261.8	1264.9	1243.8	1237.9	1234.8	1228.9
BCM	53.5	53.25	53.75	NO	54.5	55	56	56.5	53	52	51.5	50.5
BID	49.25	49.28	49.22	YES	49.65	50.1	50.5	50.95	48.8	48.4	47.95	47.55
ACB	26.98	26.97	26.99	YES	27.17	27.33	27.52	27.68	26.82	26.63	26.47	26.28
BVH	40.02	39.97	40.06	NO	40.58	41.07	41.63	42.12	39.53	38.97	38.48	37.92
CTG	32.38	32.4	32.37	YES	32.77	33.18	33.57	33.98	31.97	31.58	31.17	30.78
FPT	126.6	126.25	126.95	NO	129.7	132.1	135.2	137.6	124.2	121.1	118.7	115.6
GVR	29.87	29.8	29.93	NO	30.48	30.97	31.58	32.07	29.38	28.77	28.28	27.67
GAS	73.73	73.65	73.82	NO	74.47	75.03	75.77	76.33	73.17	72.43	71.87	71.13
HDB	23.55	23.5	23.6	NO	23.75	23.85	24.05	24.15	23.45	23.25	23.15	22.95
HPG	28.27	28.22	28.31	NO	28.48	28.62	28.83	28.97	28.13	27.92	27.78	27.57
MBB	22.38	22.38	22.39	YES	22.57	22.73	22.92	23.08	22.22	22.03	21.87	21.68
MSN	67.7	67.55	67.85	NO	68.3	68.6	69.2	69.5	67.4	66.8	66.5	65.9
MWG	55.7	55.75	55.65	YES	56.7	57.8	58.8	59.9	54.6	53.6	52.5	51.5
POW	10.93	10.85	11.02	NO	11.32	11.53	11.92	12.13	10.72	10.33	10.12	9.73
PLX	35.7	35.65	35.75	NO	36.15	36.5	36.95	37.3	35.35	34.9	34.55	34.1
SAB	55.93	55.6	56.27	NO	57.37	58.13	59.57	60.33	55.17	53.73	52.97	51.53
SSB	21.88	21.85	21.92	NO	22.12	22.28	22.52	22.68	21.72	21.48	21.32	21.08
SHB	11.65	11.63	11.68	NO	11.85	12	12.2	12.35	11.5	11.3	11.15	10.95
SSI	34.77	34.8	34.73	YES	35.23	35.77	36.23	36.77	34.23	33.77	33.23	32.77
TCB	46.72	46.65	46.78	NO	47.08	47.32	47.68	47.92	46.48	46.12	45.88	45.52
STB	27.82	27.92	27.71	NO	28.13	28.67	28.98	29.52	27.28	26.97	26.43	26.12
TPB	17.75	17.8	17.7	NO	17.85	18.05	18.15	18.35	17.55	17.45	17.25	17.15
VHM	40.92	40.8	41.03	NO	41.48	41.82	42.38	42.72	40.58	40.02	39.68	39.12
VIB	21.28	21.23	21.34	NO	21.57	21.73	22.02	22.18	21.12	20.83	20.67	20.38
VCB	91.83	91.8	91.87	YES	92.57	93.23	93.97	94.63	91.17	90.43	89.77	89.03
VJC	103.43	103.2	103.67	NO	104.67	105.43	106.67	107.43	102.67	101.43	100.67	99.43
VIC	44.13	44	44.27	NO	44.67	44.93	45.47	45.73	43.87	43.33	43.07	42.53
VNM	65.27	65.2	65.33	NO	65.63	65.87	66.23	66.47	65.03	64.67	64.43	64.07
VPB	18.4	18.45	18.35	NO	18.5	18.7	18.8	19	18.2	18.1	17.9	17.8
VRE	22.63	22.58	22.69	NO	22.92	23.08	23.37	23.53	22.47	22.18	22.02	21.73

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	Avg Volume 10 Days	Change %	Daily Returns %
REE	2,464,900	1,000,640	246	4.22
AGG	2,113,400	995,640	212	6.91
VHE	2,013,000	521,170	386	3.23
SAB	1,580,600	754,750	209	4.04
QTP	1,483,300	350,500	423.2	5.84
HAX	1,193,100	595,140	200	3.92
HID	1,087,300	280,850	387	6.96
ACV	1,064,800	406,580	261.89	7.91
RDP	1,053,300	353,210	298	-1.75
VMS	803,200	46,090	1,743	-0.3
PPC	788,000	196,280	401.47	6.69
BIC	549,700	68,300	805	4.35
FOX	465,600	103,350	451	5.93
HVH	359,000	132,680	271	5.08
KHP	280,900	51,280	548	1.43
DHM	242,400	30,030	807.19	3
MSH	198,900	98,850	201	3.24
MCH	165,800	53,150	312	4.64
VFG	156,900	61,190	256	2.89
VBB	139,600	23,880	585	14.41
BTP	126,100	30,820	409.15	6.81
TMB	125,500	44,610	281	-2.07
GDA	119,900	44,470	270	5.12
APP	112,500	10,990	1,024	10.53
SPI	112,200	33,800	332	0
PDV	109,800	20,570	533.79	5.13
NET	108,200	10,330	1,047	4.05
DFE	101,800	1,310	7,771	5
HND	97,700	15,450	632	6.99
ACC	94,400	42,820	220	0
DIH	85,800	14,900	576	-0.51
HRT	84,200	23,710	355	7.35
VNS	72,000	10,450	689	0
SJE	70,600	12,080	584	1.46
SVT	69,300	7,080	979	0.88
FUEMAV30	65,500	19,570	335	0.82
DQC	55,400	23,180	239	0.34
SKV	54,600	11,080	493	1.05
ACL	53,200	18,710	284	0.81
FUESSV50	52,900	19,970	265	-1.12

- Lưu ý: REE, ACG... có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
22-Apr	CTR	Mua	≤ 123	10% -20%	Giá chạm mục tiêu sóng 4 giảm giá và đang hình thành sóng 5 tăng giá
22-Apr	PTB	Mua	≤ 68	10% -20%	Giá chạm mục tiêu sóng 4 giảm giá và đang hình thành sóng 5 tăng giá
22-Apr	HCM	Mua	≤ 27	10% -20%	PullBack Retest thành công
22-Apr	VEA	Mua	≤ 36.5	10% -20%	Giám đàng ở vùng hỗ trợ mạnh/Cổ phiếu có thiên hướng đầu tư

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **KHÔNG MỞ MUA CỔ PHIẾU MỚI**;
- Hỗ trợ ngắn hạn là vùng giá 1,160 điểm. Kháng cự là vùng giá 1,220 điểm;
- Số lượng các mã phá đỉnh trong 52 tuần hoặc thiết lập mốc cao mới gần nhất có dấu hiệu tăng như PPC, FRT, FPT, MWG, QTP, REE...
- MWG có thể là cổ phiếu vốn hóa lớn tiếp theo thiết lập mốc cao mới từ tháng 11/2023 – Chúng tôi nhận thấy MWG có thể sắp bước vào giai đoạn tăng dốc;
- Với nhà đầu tư ưa mạo hiểm, hoạt động dò đáy ở mức 50% tỷ trọng danh mục như chúng tôi đã khuyến nghị nếu có lời hãy đặt các mức khóa lợi nhuận Trailing Stop;
- Chúng tôi thấy nhóm đầu tư công, bảo hiểm, nhiệt điện than (Nhóm nhóm điện than sẽ có lãi tốt nhờ than đang có giá thấp và sản lượng huy động tăng mạnh. Q1/2024 sản lượng nhiệt điện than tăng 42% so với cùng kỳ), phân bón (DCM, DPM, DDV... - Ngành được dự báo sẽ tăng thuế VAT từ 0% lên 5% trong tháng 5. Việc tăng thuế VAT sẽ giúp doanh nghiệp khấu trừ các chi phí VAT đầu vào sẽ giúp tiết kiệm một khoản chi phí và cải thiện biên lợi nhuận, ô tô (VEA, HAX – Ngành được dự báo sẽ giảm thuế chức bạ trong tháng 5 sẽ thúc đẩy tăng doanh số bán hàng) và ngành bán lẻ đang có giao dịch tốt lúc này...**

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Trong tuần từ 22/04 - 26/04, tỷ giá trung tâm tiếp tục được NHNN điều chỉnh tăng 2 phiên đầu tuần rồi giảm trở lại. Chốt ngày 26/04, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 24.246 VND/USD, giảm 18 đồng so với phiên cuối tuần trước đó. NHNN tiếp tục niêm yết tỷ giá mua giao ngay ở mức 23.400 VND/USD. Tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 25.450 VND/USD qua tất cả các phiên. Tỷ giá LNH giảm trở lại trong tuần từ 22/04 - 26/04. Kết thúc phiên 26/04, tỷ giá LNH đóng cửa tại 25.334 VND/USD, giảm 116 đồng so với phiên cuối tuần trước đó. Tỷ giá trên thị trường tự do cũng giảm qua các phiên trong tuần qua. Chốt phiên 26/04, tỷ giá tự do giảm 150 đồng ở chiều mua vào và 130 đồng ở chiều bán ra so với phiên cuối tuần trước đó, giao dịch tại 25.530 VND/USD và 25.630 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Trong tuần từ 22/04 - 26/04, lãi suất VND LNH biến động theo xu hướng tăng ở tất cả các kỳ hạn. Chốt ngày 26/04, lãi suất VND LNH giao dịch quanh mức: ON 4,78% (+0,82 đpt); 1W 4,82% (+0,68 đpt); 2W 4,92% (+0,56 đpt); 1M 4,95% (+0,37 đpt). Lãi suất USD LNH duy trì biến động tăng – giảm nhẹ qua các phiên ở tất cả các kỳ hạn. Phiên 26/04, lãi suất USD LNH đóng cửa ở mức: ON 5,24% (-0,01 đpt); 1W 5,31% (-0,02 đpt); 2W 5,38% (-0,02 đpt) và 1M 5,40% (-0,01 đpt).
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Trên thị trường mở tuần qua từ 22/04 - 26/04, ở kênh cầm cố, NHNN chào thầu ở kỳ hạn 14 ngày với khối lượng là 122.000 tỷ VND, lãi suất phiên đầu tuần ở mức 4,0%, các phiên sau tăng lên mức 4,25%. Có 117.805,1 tỷ đồng trúng thầu và 32.865,1 tỷ đồng đáo hạn trong tuần qua. NHNN chào thầu tín phiếu NHNN kỳ hạn 28 ngày, đấu thầu lãi suất ở tất cả các phiên. Hết tuần, có tổng cộng 11.400 tỷ đồng trúng thầu, lãi suất tăng từ 3,73%/năm lên 3,75% xong chốt tuần ở mức 3,5%; có 26.500 tỷ đồng đáo hạn trong tuần qua. Như vậy, NHNN bơm ròng 100.040 tỷ VND ra thị trường trong tuần qua bằng kênh thị trường mở, khối lượng tín phiếu NHNN lưu hành giảm xuống mức 51.350 tỷ đồng, khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố ở mức 117.805,1 tỷ đồng.

Các thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và đề tài khoản nuôi lãi chạy).

Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm “Uncle”: Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY



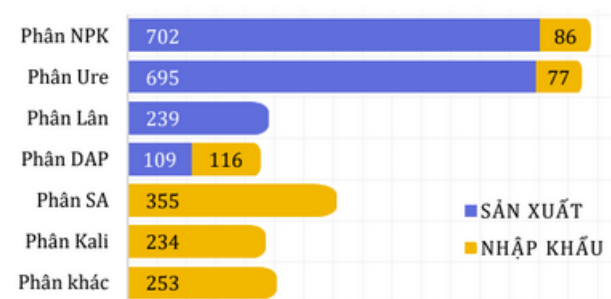
Bức tranh ngành bảo hiểm Q1/2024

DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM			
Thời gian	Tổng cộng	Phi nhân thọ	Nhân thọ
2024 03	53,295.00	19,555.00	33,740.00
2023 12	228,088.00	71,064.00	157,024.00
2023 09	165,600.00	52,200.00	113,400.00
2023 06	112,741.00	34,910.00	77,831.00
2023 03	55,689.66	17,809.65	37,867.56
2022 12	247,786.00	69,459.00	178,327.00
2022 09	177,811.00	50,747.00	127,064.00
2022 06	118,915.00	34,448.00	84,467.00
2022 03	55,485.00	17,082.00	38,403.00
2021 12	218,461.00	59,135.00	159,326.00
2021 09	152,470.42	43,119.21	109,349.40
2021 06	103,106.00	30,084.00	73,022.00
2021 03	48,706.00	15,188.00	33,518.00
2020 12	187,447.00	56,677.00	130,770.00
2020 09	131,713.00	41,800.00	89,913.00
2020 06	83,084.00	27,131.00	55,953.00

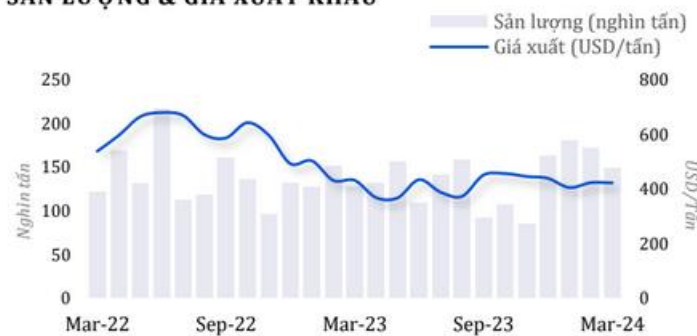
TĂNG TRƯỞNG DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM (%YoY)			
Thời gian	Tổng cộng	Phi nhân thọ	Nhân thọ
2024 03	-4.30%	9.80%	-10.90%
2023 12	-7.95%	2.31%	-11.95%
2023 09	-6.90%	2.60%	-10.70%
2023 06	-5.19%	1.34%	-7.86%
2023 03	0.37%	4.26%	-1.39%
2022 12	13.42%	17.46%	11.93%
2022 09	16.62%	17.69%	16.20%
2022 06	15.40%	14.51%	15.70%
2022 03	13.92%	12.47%	14.57%
2021 12	16.55%	4.34%	21.84%
2021 09	15.76%	3.16%	21.62%
2021 06	24.10%	10.89%	30.50%
2021 03	24.14%	7.78%	33.30%
2020 12	17.02%	6.20%	22.42%
2020 09	16.55%	7.65%	21.21%
2020 06	15.02%	7.61%	19.00%

Tổng quan ngành phân bón Q1/2024

NGUỒN CUNG PHÂN BÓN Q1-2024 THEO LOẠI (Nghìn tấn)



SẢN LƯỢNG & GIÁ XUẤT KHẨU





AMD đang kiểm tra hỗ trợ động MA(200)



Intel đã hoàn tất mô hình hai đỉnh ?



Alibaba có Break out xác nhận xu hướng tăng giá trung hạn



Những điều kỳ lạ đang diễn ra với S&P 500 – Tăng giá trung hạn hay còn 1 nhịp giảm ?



Kết luận: Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng điểm vào tối nay.

(*)**Bản quyền:** Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest


Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



Báo cáo thực hiện bởi Trung tâm nghiên cứu và phân tích

CTCP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>

 0243 573 9779 (máy lẻ 666 / 888)

 trungtamcskh@aas.com.vn

Mở tài khoản ngay

